

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-ST
Ngày 27 - 9 -2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường.
2. Ông Hoàng Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2022/TLST- DS, ngày 15 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 15/08/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-DS, ngày 12/9/2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn T - sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn A, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:*

Ngày 02/10/2019, bà Nguyễn Thị Thanh L có gửi cho ông Võ Văn T 5.000 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Tới năm 2021, bà L có yêu cầu Ông T trả số cà phê nhân bà L đã gửi. Do không có tiền mặt, ông Võ Văn T có trả cho bà L 01 bộ bàn

ghế trị giá 24.000.000 đồng và 700 trụ tiêu gỗ trị giá 35.000.000 đồng. Tại thời điểm Ông T trả cho bà L, giá cả phê nhân là 33.000 đồng/kg. Ông T đã trả cho bà L tổng số tiền quy ra được 1.787 kg cà phê nhân xô. Nay bà L yêu cầu ông Võ Văn T tiếp tục phải trả cho bà L số cà phê mà Ông T còn nợ lại của bà L là 3.213kg cà phê nhân xô quy chuẩn.

Khi gửi cà phê, chỉ có giữa bà L và Ông T giao nhận với nhau nhận không liên quan đến vợ Ông T nên bà L chỉ yêu cầu một mình Ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà L số nợ nói trên.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông T đồng ý với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh L, quá trình kinh doanh buôn bán, Ông T có nhận của bà Nguyễn Thị Thanh L gửi số cà phê 5.000kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Nhưng do quá trình buôn bán gặp khó khăn, hiện tại Ông T mới trả được cho bà L 1.787kg cà phê nhân xô.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu Ông T trả cho bà L 3.213 kg cà phê nhân xô quy chuẩn thì Ông T đồng ý trả, nhưng do khó khăn nên Ông T xin trả số nợ trên trong thời hạn 03 năm.

Việc Ông T nhận cà phê của bà L vợ Ông T là bà Mai Thị Lan Ph không biết, không liên quan nên mình Ông T chịu trách nhiệm trả cho bà L.

3. Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Mai Thị Lan Ph:

Việc Ông T nhận gửi cà phê từ bà Nguyễn Thị Thanh L số cà phê 5.000 kg vào thời gian nào bà Phương không biết. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc trên với chồng bà Phương là ông Võ Văn T.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ông Võ Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số nợ 3.213 kg cà phê nhân xô quy chuẩn mà bà L đã gửi cho Ông T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 554, 555, 556, 557 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L.

Ngoài ra, cần buộc ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về tình tiết mà các bên đã thống nhất được: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Văn T đều thừa nhận bà L có gửi cho Ông T số cà phê nhân xô quy chuẩn là 5.000 kg. Ông T đã trả cho bà L hiện vật tương đương với 1.787kg cà phê nhân. Hiện tại, ông Võ Văn T còn nợ lại bà L số cà phê nhân xô quy chuẩn là 3.213 kg.

Về tình tiết các bên không thống nhất được: Ông Võ Văn T trình bày được trả số nợ trên trong thời gian là 3 năm. Bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu Ông T phải trả ngay toàn bộ số nợ 3.213 kg cà phê nhân quy chuẩn cho bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên xác lập quan hệ gửi giữ tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng gửi giữ tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 555, 556 và Điều 557 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 556 Bộ luật dân sự về quyền của bên gửi giữ tài sản: "Yêu cầu lấy lại tài sản bất cứ lúc nào, nếu hợp đồng gửi giữ không xác định thời hạn, nhưng phải báo trước 01 thời gian hợp lý".

Xét thấy, việc bà L gửi cà phê cho Ông T, Ông T và bà L đều đã thừa nhận và thống nhất số lượng. Sau khi gửi, bà L có yêu cầu Ông T trả, Ông T biết yêu cầu của bà L nhưng do Ông T khó khăn không trả được hết mà chỉ trả một phần bằng hiện vật và quy ra tiền nên bà L khởi kiện ra Tòa yêu cầu Tòa án buộc Ông T phải trả bà L toàn bộ số nợ còn lại là 3.217 kg cà phê nhân quy chuẩn. Ông T cùng đồng ý có nhận và còn nợ lại bà Nguyễn Thị Thanh L 3.213 kg cà phê nhân quy chuẩn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn T phải trả số cà phê mà bà L còn gửi tại Đại lý của ông Võ Văn T là 3.213 kg cà phê nhân xô quy chuẩn là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên cần buộc ông Võ Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Giá cà phê tại thời điểm xét xử là 48.000 đồng/01 kg. Giá trị tài sản tranh chấp tại thời điểm xét xử là: 3.213 kg x 48.000 đồng = 154.224.000 đồng. Số tiền án phí Ông T phải chịu là: 7.711.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười một nghìn đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều , Điều 554, 555, 556, 557 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L.

1. Buộc ông Võ Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số cà phê nhân xô quy chuẩn là 3.213 kg (Ba nghìn hai trăm mười ba ký lô gam) cà phê nhân xô quy chuẩn.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Văn T phải chịu 7.711.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 60AA/2021/0000942, ngày 09 tháng 6 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án dân sự huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy